TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2026/DS-PT
Ngày: 09/02/2026
V/v: tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ánh Bình
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương
Ông Đặng Văn Hùng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị Bích Liễu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Minh Phượng** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 519/2025/TLPT-DS ngày 05 tháng 11 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.
Do bản án dân sự sơ thẩm số 22/2025/DS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 768/2025/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: ông Nguyễn Minh N, sinh năm 1977. Địa chỉ: số E, đường số A, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là chị Trương Lê Cảnh T, sinh năm 1998. Địa chỉ: số H, đường T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt) và bà Bùi Thị Hải Y, sinh năm 1965. Địa chỉ: số D, N, phường T, tỉnh Đắk Lắk. (theo văn bản ủy quyền ngày 15/4/2024) (vắng mặt).

Bị đơn:

-Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: số A, ấp T, phường L, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà H là bà Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1976. Địa chỉ: số B, đường N, Phường L, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

-Ông Lê Minh T1, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: số A, ấp T, phường L, tỉnh Vĩnh Long

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

-Bà Nguyễn Thị Kim H1, sinh năm 1981; cư trú tại: D ấp D, xã X, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

-Ông Trương Chánh H2, sinh năm 1973. Địa chỉ: số C, B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

-Ông Ngô Tuấn K, sinh năm 1987. Địa chỉ: số A, đường T, phường P, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện 03/7/2024 của nguyên đơn ông Nguyễn Minh N, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là chị Trương Lê Cảnh T trình bày:

Ông Nguyễn Minh N và bà Trần Thị Ngọc H, ông Lê Minh T1 có quen biết nhau do bà H và ông T1 cần vốn để làm ăn nên có hỏi vay tiền của ông N nhiều lần, hai bên không có lập hợp đồng vay tiền mà chỉ thỏa thuận miệng do tin tưởng nhau và không thỏa thuận thời hạn vay, lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng, mục đích vay tiền là trả tiền nợ ngân hàng và làm vốn kinh doanh.

Tính từ ngày 12/4/2019 đến ngày 20/3/2020, ông N đã đưa cho bà Trần Thị Ngọc H và ông Lê Minh T1 tổng cộng số tiền là 3.062.000.000 đồng, cụ thể như sau:

1. Ngày 12/4/2019, ông N cho bà H, ông T1 vay số tiền 70.000.000 đồng.

2. Ngày 04/6/2019, ông N cho bà H, ông T1 vay số tiền 200.000.000 đồng.

3. Ngày 04/7/2019, ông N cho bà H, ông T1 vay số tiền 47.000.000 đồng.

4. Ngày 22/8/2019, ông N cho bà H, ông T1 vay số tiền 29.000.000 đồng.

Bốn lần vay này ông N đưa bà H và ông T1 tiền mặt, lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng, không thỏa thuận thời hạn vay, việc vay tiền không có lập hợp đồng vay tiền, mục đích để làm vốn kinh doanh. Sau khi vay thì bà H, ông T1 không có trả vốn và lãi cho ông N.

5. Ngày 02/5/2019, bà H điện thoại hỏi vay của ông N số tiền 200.000.000 đồng, ông N chuyển tiền cho bà H bằng hình thức chuyển khoản thông qua số tài khoản 060166272567 tại Ngân hàng TMCP S (S1) chủ tài khoản là Nguyễn Minh N đến bà Trần Thị Ngọc H số tiền 200.000.000 đồng.

6. Ngày 06/5/2019, bà H điện thoại hỏi vay của ông N số tiền 50.000.000 đồng, ông N chuyển tiền cho bà H bằng hình thức chuyển khoản thông qua việc chuyển tiền tại ngân hàng TMCP S (S1) đến số tài khoản 070034865361 của Ngân hàng TMCP S (S1), chủ tài khoản bà Trần Thị Ngọc H số tiền 50.000.000 đồng.

7. Ngày 23/5/2019, bà H điện thoại hỏi vay của ông N số tiền 300.000.000 đồng, ông N chuyển tiền cho bà H bằng hình thức chuyển khoản thông qua số tài khoản 060166272567 tại ngân hàng TMCP S (S1) chủ tài khoản là Nguyễn Minh N đến số tài khoản 070034865361 của Ngân hàng TMCP S (S1) – Chi nhánh V, chủ tài khoản bà Trần Thị Ngọc H số tiền 300.000.000 đồng.

8. Ngày 03/6/2019, bà H điện thoại hỏi vay của ông N số tiền 400.000.000 đồng, ông N chuyển tiền cho bà H bằng hình thức chuyển khoản thông qua số tài khoản 060166272567 tại ngân hàng TMCP S (S1) chủ tài khoản là Nguyễn Minh N đến bà Trần Thị Ngọc H số tiền 400.000.000 đồng.

9. Ngày 03/7/2019, bà H điện thoại hỏi vay của ông N số tiền 400.000.000 đồng, ông N chuyển tiền cho bà H bằng hình thức chuyển khoản thông qua số tài

khoản 060166272567 tại ngân hàng TMCP S (S1) chủ tài khoản là Nguyễn Minh N đến bà Trần Thị Ngọc H số tiền 400.000.000 đồng.

10. Ngày 09/7/2019, bà H điện thoại hỏi vay của ông N số tiền 500.000.000 đồng, ông N chuyển tiền cho bà H bằng hình thức chuyển khoản thông qua việc chuyển tiền tại ngân hàng TMCP S (S1) đến số tài khoản 070034865361 của Ngân hàng TMCP S (S1) – Chi nhánh V, chủ tài khoản bà Trần Thị Ngọc H số tiền 500.000.000 đồng.

11. Ngày 09/9/2019, bà H điện thoại hỏi vay của ông N số tiền 150.000.000 đồng, ông N chuyển tiền cho bà H bằng hình thức chuyển khoản thông qua số tài khoản 060166272567 tại ngân hàng TMCP S (S1) chủ tài khoản là Nguyễn Minh N đến số tài khoản 070034865361 của Ngân hàng TMCP S (S1) – Chi nhánh V, chủ tài khoản bà Trần Thị Ngọc H số tiền 150.000.000 đồng.

12. Ngày 11/9/2019, bà H điện thoại hỏi vay của ông N số tiền 200.000.000 đồng, ông N chuyển tiền cho bà H bằng hình thức chuyển khoản tại ngân hàng TMCP S (S1) đến số tài khoản 070034865361 của Ngân hàng TMCP S (S1) – Chi nhánh V, chủ tài khoản bà Trần Thị Ngọc H số tiền 200.000.000 đồng.

13. Cùng ngày 11/9/2019, bà H điện thoại hỏi vay của ông N số tiền 100.000.000 đồng, ông N chuyển tiền cho bà H bằng hình thức chuyển khoản thông qua số tài khoản 060166272567 tại ngân hàng TMCP S (S1) chủ tài khoản là Nguyễn Minh N đến bà Trần Thị Ngọc H số tiền 100.000.000 đồng.

14. Ngày 24/9/2019, bà H điện thoại hỏi vay của ông N số tiền 15.000.000 đồng, ông N chuyển tiền cho bà H bằng hình thức chuyển khoản thông qua việc chuyển tiền tại ngân hàng TMCP S (S1) đến số tài khoản 070034865361 của Ngân hàng TMCP S (S1) – Chi nhánh V, chủ tài khoản bà Trần Thị Ngọc H số tiền 15.000.000 đồng.

15. Ngày 04/10/2019, bà H điện thoại hỏi vay của ông N số tiền 76.000.000 đồng, ông N chuyển tiền cho bà H bằng hình thức chuyển khoản thông qua việc chuyển tiền tại ngân hàng TMCP S (S1) đến số tài khoản 070034865361 của Ngân hàng TMCP S (S1) – Chi nhánh V, chủ tài khoản bà Trần Thị Ngọc H số tiền 76.000.000 đồng.

16. Ngày 05/12/2019, bà H điện thoại hỏi vay của ông N số tiền 10.000.000 đồng, ông N chuyển tiền cho bà H bằng hình thức chuyển khoản thông qua việc chuyển tiền tại ngân hàng TMCP S2 (V1) đến số tài khoản 070034865361 của Ngân hàng TMCP S (S1) – Chi nhánh V, chủ tài khoản bà Trần Thị Ngọc H số tiền 10.000.000 đồng.

17. Ngoài ra, ông N còn hỏi vay tiền của ông Trương Chánh H2 để cho bà H vay tiền lại số tiền 300.000.000 đồng, ông N nhờ ông H2 chuyển khoản trực tiếp cho bà H, ông N khẳng định số tiền 300.000.000 đồng này là của ông N cho bà H vay, không liên quan đến ông H2, việc giao dịch của ông N và ông H2 là giao dịch riêng không liên quan đến giao dịch này. Cụ thể:

Ngày 04/7/2019, bà H điện thoại hỏi vay của ông N số tiền 200.000.000 đồng, ông N vay tiền của ông H2 và nhờ ông H2 chuyển khoản cho bà H nhận bằng hình thức chuyển khoản thông qua số tài khoản 060161243038, chủ tài

khoản Trương Chánh H2, tại Ngân hàng TMCP S (S1) đến số tài khoản 070034865361 của Ngân hàng TMCP S (S1) – Chi nhánh V, chủ tài khoản bà Trần Thị Ngọc H số tiền 200.000.000 đồng.

Ngày 03/10/2019, bà H điện thoại hỏi vay của ông N số tiền 100.000.000 đồng, ông N vay tiền của ông H2 và nhờ ông H2 chuyển khoản cho bà H nhận bằng hình thức chuyển khoản thông qua số tài khoản 060161243038, chủ tài khoản Trương Chánh H2, tại Ngân hàng TMCP S (S1) đến số tài khoản 070034865361 của Ngân hàng TMCP S (S1) – Chi nhánh V, chủ tài khoản bà Trần Thị Ngọc H số tiền 100.000.000 đồng.

18. Ngày 02/3/2020, bà H điện thoại hỏi vay của ông N số tiền 5.000.000 đồng, ông N đưa cho bà H số tiền 5.000.000 đồng thông qua việc gửi tiền cho nhà xe K2 theo biên nhận ngày 02/3/2020.

19. Ngày 20/3/2020, bà H điện thoại hỏi vay của ông N số tiền 10.000.000 đồng, ông N đưa cho bà H số tiền 10.000.000 đồng thông qua việc gửi tiền cho nhà xe K2 theo biên nhận ngày 20/3/2020.

Những lần ông N cho bà H vay tiền qua chuyển khoản và gửi nhà xe K2 thì hai bên không có lập hợp đồng vay tiền, mục đích vay tiền là để trả tiền ngân hàng và làm vốn kinh doanh, lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng, không thỏa thuận thời hạn vay. Sau khi vay thì bà H không có trả vốn và lãi cho ông N.

Ông N yêu cầu ông T1 và bà H phải trả cho ông số tiền vốn là 3.062.000.000 đồng và tiền lãi là 3.672.380.000 đồng tính từ ngày vay đến ngày 03/7/2024 với mức lãi suất là 2%/tháng, tổng cộng vốn lãi là 6.734.380.000 đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Trần Thị Ngọc H là bà Nguyễn Thị Thanh M trình bày:

Bà H không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Giữa bà H và ông N có thỏa thuận hùn vốn mua bán chất đốt là củi trấu, việc thỏa thuận có lập hợp đồng nhưng hợp đồng đã bị thất lạc. Bà H đã nhờ anh Ngô Tuấn K, địa chỉ: Số A, đường T, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long chuyển trả cho ông N số tiền 1.600.000.000 đồng. Việc giao dịch làm ăn mua bán giữa bà H và ông N đã chấm dứt từ năm 2020 theo thỏa thuận lời ăn lỗ chịu và bà H cũng đã chuyển trả hết tiền cho ông N, đầu năm 2020 giao dịch giữa bà H và ông N hoàn toàn chấm dứt, bà H cũng không còn nghĩa vụ gì và không có vay tiền của ông N nên việc ông N khởi kiện bà H là không có căn cứ nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N và yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện của ông N.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Lê Minh T1 là bà Nguyễn Thị Thanh M trình bày:

Ông T1 không biết ông N và không có giao dịch hay làm ăn gì với ông N. Giữa ông T1 và bà H đã ly hôn theo quyết định số 262/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long nên ông không biết và không liên quan đến giao dịch của bà H, giữa ông T1 và bà H đã làm ăn riêng từ lâu nên đối với yêu cầu khởi kiện của ông N thì ông T1 không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim H1 trình bày:

Bà H1 là vợ của ông Nguyễn Minh N. Hiện nay ông N có tranh chấp hợp đồng vay với bà Trần Thị Ngọc H và ông Lê Minh T1. Bà H1 xác nhận tài sản mà ông N cho bà H và ông T1 vay là tài sản riêng của ông N, không phải là tài sản chung vợ chồng. Đối với yêu cầu của ông N bà H1 không có ý kiến. Bà H1 xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Tòa án, cam kết không khiếu nại về sự vắng mặt này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Chánh H2 trình bày:

Cha của ông H2 tên Trương T2 là bạn của ông Nguyễn Minh N. Năm 2019 ông N có hỏi vay của ông Tỷ số tiền 300.000.000 đồng, ông T2 đồng ý cho ông N vay tiền nên kêu ông H2 chuyển tiền cho ông N, ông N không trực tiếp nhận tiền mà nhờ ông H2 chuyển tiền vào tài khoản số 070034865361 do bà Trần Thị Ngọc H đứng tên mở tại Ngân hàng S1 – Chi nhánh V. Ông H2 đã chuyển tiền vào tài khoản của bà H 02 lần vào ngày 04/7/2019 số tiền 200.000.000 đồng và ngày 03/10/2019 số tiền 100.000.000 đồng. Giữa ông T2 và ông H2 không quen biết, không làm ăn và không có nợ nần gì với bà H, ông H2 chuyển tiền cho bà H là do yêu cầu của ông N. Ông H2 xin vắng mặt trong suốt các phiên họp, phiên hòa giải cũng như phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, cam kết không khiếu nại về sự vắng mặt này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối chất cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngô Tuấn K, nhưng anh K không có ý kiến và cũng không tham gia đối chất.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 22/2025/DS-ST ngày 07/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Vĩnh Long đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc bà Trần Thị Ngọc H trả cho ông Nguyễn Minh N số tiền 2.762.000.000 đồng nợ gốc và 298.019.800 đồng tiền nợ lãi. Tổng cộng 3.060.019.800 đồng.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi bà Trần Thị Ngọc H số tiền 300.000.000 đồng; yêu cầu bà H và ông T1 trả tiền lãi theo lãi suất 2%/tháng tính từ ngày vay đến ngày 03/7/2024 bằng số tiền 3.672.380.000 đồng; yêu cầu buộc ông Lê Minh T1 cùng trả nợ với bà H.

Bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm, về nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 20/82025 bà Trần Thị Ngọc H kháng cáo yêu cầu xác định giao dịch dân sự giữa bà H và ông Nguyễn Minh N là hợp đồng góp vốn, áp dụng thời hiệu khởi kiện và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền 3.060.019.800đồng.

Ngày 21/82025 ông Nguyễn Tuấn K1 kháng cáo yêu cầu khấu trừ số tiền 1.600.000.000đ vào số tiền ông N góp vốn cho bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thanh M là người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị Ngọc H vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo.

Chị Trương Lê Cảnh T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Nguyễn Minh N không đồng ý kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử phúc thẩm.

Các đương sự có mặt thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 70,71,72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định tại Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Ngô Tuấn K

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Ngọc H

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 22/2025/DS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Vĩnh Long.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên các đương sự phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1 Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: đơn kháng cáo của bị đơn Trần Thị Ngọc H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Tuấn K làm trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Ông Ngô Tuấn K là người kháng cáo đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do thì coi như từ bỏ việc kháng cáo, căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Ngô Tuấn K.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Ngọc H;

[4.1] Đối với kháng cáo yêu cầu xác định giao dịch dân sự giữa bà Trần Thị Ngọc H và ông Nguyễn Minh N là hợp đồng góp vốn, xét thấy:

Nguyên đơn ông Nguyễn Minh N khởi kiện bà Trần Thị Ngọc H yêu cầu trả tiền vay tính từ ngày 12/4/2019 đến ngày 20/3/2020 tổng cộng là 2.762.000đ gồm tiền mặt và chuyển khoản. Bà H thừa nhận có nhận tiền do ông N chuyển khoản nhiều lần tổng cộng là 2.762.000.000 đồng. Tuy nhiên bà H không thừa nhận là tiền vay mà cho rằng đây là khoản tiền ông N hùn vốn làm ăn mua bán củi trấu với bà N, lời cùng hưởng, lỗ cùng chịu. Trong quá trình giải quyết vụ án bà N không cung cấp được hợp đồng hùn vốn hoặc tài liệu, chứng cứ thể hiện giữa hai bên có hùn vốn làm ăn, phía nguyên đơn không thừa nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của bị đơn cung cấp " Văn bản xác nhận thanh lý hợp đồng" đề ngày 01/8/2020 bên A là Trần Thị Ngọc H và bên B là Nguyễn Minh N. Tuy nhiên nội dung của giấy xác nhận này không thể hiện các bên thanh lý hợp đồng nào, không có công chứng chứng, chứng thực, phía nguyên đơn không thừa nhận nên văn bản này không có giá trị pháp lý. Do đó

không có căn cứ để xác định giao dịch dân sự giữa ông N và bà H là hợp đồng góp vốn kinh doanh chất đốt (củi trấu) như bà H trình bày. Bà N Thừa nhận có nhận tiền do ông N chuyển khoản 2.762.000.000đ nên được xác định hợp đồng vay tài sản là phù hợp nên không chấp nhận kháng cáo của bà H đối với nội dung này.

[4.2] Đối với kháng cáo của bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu, xét thấy:

Những lần ông N chuyển khoản cho bà H vay tiền đều không có quy định thời hạn trả, không có lãi suất, trường hợp này hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi suất được áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết, cụ thể: "Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý...". Vì vậy, ngày 03/7/2024 nguyên đơn khởi kiện bị đơn để yêu cầu trả lại tiền vay là phù hợp với quy định của pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của phía bị đơn.

[4.3] Đối với kháng cáo không đồng ý trả nguyên đơn tiền vốn, lãi 3.060.019.800đồng, xét thấy:

Đối với số tiền nợ gốc: từ ngày 12/4/2019 đến ngày 20/3/2020, bà Trần Thị Ngọc H thừa nhận đã nhận của ông Nguyễn Minh N số tiền 2.762.000.000 đồng.Tuy nhiên bà H cho rằng đây là khoản tiền ông N hùn vốn làm ăn mua bán củi trấu, lời cùng hưởng, lỗ cùng chịu, như đã phân tích trên bà N không chứng minh được giữa bà với ông N có giao dịch hùn vốn làm ăn nên bản án sơ thẩm buộc bà H có nghĩa vụ trả lại cho ông N số tiền đã nhận 2.762.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đối với tiền lãi: nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi tính từ ngày nguyên đơn khởi kiện 04/7/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 07/8/2025, mức lãi 0,83%/tháng là phù hợp với hợp đồng vay không thời hạn và không có lãi suất, mức lãi 10/năm là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự 2015, tiền lãi án sơ thẩm tính từ ngày khởi kiện 04/7/2024 đến ngày xét xử 07/8/2025 (tính tròn 13 tháng) bằng 298.019.800 đồng là phù hợp, đúng quy định. Do đó bản án sơ thẩm buộc bị đơn trả nguyên đơn tiền vốn 2.762.000.000 đồng, tiền lãi 298.019.800 đồng, tổng cộng 3.060.019.800đồng là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

Bà H kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của đương sự. Giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bà Trần Thị Ngọc H và ông Ngô Tuấn K mỗi người phải chịu án phí phúc thẩm 300.000đ

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Tuấn K;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Ngọc H;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 22/2025/DS-ST ngày 07/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Vĩnh Long

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh N.

Buộc bà Trần Thị Ngọc H có nghĩa vụ trả ông Nguyễn Minh N số tiền nợ gốc 2.762.000.000 đồng và tiền lãi 298.019.800đồng, tổng cộng 3.060.019.800 đồng (Ba tỷ không trăm sáu mươi triệu không trăm mười chín nghìn tám trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Trần Thị Ngọc H và ông Ngô Tuấn K mỗi người phải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm các đương sự nộp 600.000đ theo biên lai số 0002322 và 0002137 ngày 21/8/2025 và ngày 27/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Ông K và bà H đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị, bao gồm:

-Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi bà Trần Thị Ngọc H số tiền 300.000.000 đồng; yêu cầu bà H và ông T1 trả tiền lãi theo lãi suất 2%/tháng tính từ ngày vay đến ngày 03/7/2024 bằng số tiền 3.672.380.000 đồng; yêu cầu buộc ông Lê Minh T1 cùng trả nợ với bà H.

-Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọc H phải chịu 93.200.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Minh N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông N số tiền tạm ứng án phí là 57.367.000 đồng theo biên lai thu số 0007294, ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long).

4. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,

7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND khu vực 1 -VL;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Thị Ánh Bình